

Số: 199 /2024/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; Thẻ CCCD số: 008069004934; Cấp ngày 24/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Bị đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1975; Thẻ CCCD số: 008175010907; Cấp ngày 24/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị H cùng xác định không có con chung. Đối với cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 10/8/2006 là con riêng của chị H trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T và chị H, hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi

nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu sau này vì quyền lợi ích hợp pháp liên quan đến quyền nhân thân của con Nguyễn Phương L thì chị H có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị H đã tự thỏa thuận xong bằng văn bản trước khi anh T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000082 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường An Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thu Hiền**